

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày: 13-5-2020
V/v Tranh chấp hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thông;

Bà Phan Thị Trang Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Hồng Nh, sinh năm 1967 (*có mặt*).

Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Võ Thị Hồng T, sinh năm 1978 (*có mặt*) và ông Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1980 (*chồng bà T, vắng mặt*).

Cùng cư trú: Khóm 7, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Hồ Hồng Nh trình bày:

Bà Hồ Hồng Nh yêu cầu bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Thanh Tr thanh toán số tiền hội gốc còn nợ là 236.000.000 đồng, cụ thể:

Dây hội thứ nhất: Mở vào ngày 30/9/2017 âm lịch, hội 10.000.000 đồng, tổng số có 34 chung hội, hội do bà Nh làm chủ, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 30

(âm lịch). Bà T và ông Tr tham gia 01 chung hội. Đến ngày 30/7/2018 âm lịch (lần khai hội thứ 11) thì vợ chồng bà T ông Tr hốt hội được số tiền là 234.300.000 đồng. Bà T và ông Tr đóng hội chết được 13 kỳ, còn nợ lại 21 kỳ hội chết chưa đóng với số tiền là 140.000.000 đồng, hội chưa mãn.

Dây hội thứ hai: Mở vào ngày 15/01/2018 âm lịch, hội 3.000.000 đồng, tổng số có 41 chung hội, hội do bà Nh làm chủ, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 15 và 30 (âm lịch). Bà T và ông Tr tham gia 01 chung hội. Đến ngày 15/02/2018 âm lịch (lần khai hội thứ 03) thì vợ chồng bà T ông Tr hốt hội được số tiền là 87.800.000 đồng. Bà T và ông Tr đóng hội chết được 22 kỳ, còn nợ lại 19 kỳ hội chết chưa đóng với số tiền là 57.000.000 đồng, hội mãn vào tháng 9/2019 âm lịch.

Tổng số tiền hội chết bà T và ông Tr còn nợ là 244.000.000 đồng. Do bà T và ông Tr hốt hội mà không đóng lại hội chết nên bà Nh khởi kiện buộc bà T và ông Tr có trách nhiệm thanh toán số tiền hội còn nợ là 244.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại Đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và Biên bản hòa giải ngày 09/01/2020, bà Nh thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung: Nguyên trước đây bà yêu cầu vợ chồng bà T và ông Tr cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền 244.000.000 đồng nhưng sau đó bà T trả thêm được 8.000.000 đồng, đối trừ bà T còn nợ 236.000.000 đồng. Ngoài ra, xét thấy việc giao dịch hội do bà Nh và bà T trực tiếp thực hiện với nhau nên bà Nh chỉ yêu cầu bà T trả tiền hội còn nợ là 236.000.000 đồng, bà Nh rút một phần yêu cầu đối với ông Tr, bà không buộc ông Tr có trách nhiệm thanh toán số tiền này.

Tại bản tự khai ngày 09/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Võ Thị Hồng T trình bày:

Bà T thừa nhận có tham gia chơi hội do bà Hồ Hồng Nh làm chủ, cụ thể các dây hội như sau:

Dây hội thứ nhất do bà Nh làm chủ hội mở vào ngày 30/9/2017 âm lịch, hội 10.000.000 đồng, tổng số có 34 chung hội, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 30, bà tham gia 01 chung hội. Đến ngày 30/7/2018 âm lịch (lần khai hội thứ 11) thì bà hốt hội được số tiền là 234.300.000 đồng, bà đóng hội chết được 13 kỳ, còn nợ lại 21 kỳ hội chết chưa đóng số tiền là 140.000.000 đồng, hội chưa mãn.

Dây hội thứ hai do bà Nh làm chủ hội mở vào ngày 15/01/2018 âm lịch, hội 3.000.000 đồng, tổng số có 41 chung hội, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 15 và 30, bà tham gia 01 chung hội. Đến ngày 15/02/2018 âm lịch (lần khai hội thứ 03) thì bà hốt hội được số tiền là 87.800.000 đồng. Bà T đóng hội chết được 22 kỳ, còn nợ lại 19 kỳ hội chết chưa đóng số tiền là 57.000.000 đồng, hội mãn vào tháng 9/2019 âm lịch.

Chồng bà T là ông Nguyễn Thanh Tr không tham gia hội, tiền hội do bà sử dụng riêng nên ông Tr không liên quan đến vụ án.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/01/2020, bà Võ Thị Hồng T đồng ý thanh toán cho bà Hồ Hồng Nh số tiền hội gốc còn nợ là 236.000.000 đồng.

Tại đơn xin thay đổi ý kiến đề ngày 13/01/2020, bà T trình bày: *“Việc tôi nợ bà Nh là có, tuy nhiên đến cuối tháng 6 âm lịch mới kết thúc, trong thời gian này tôi vẫn đóng hui đúng theo sự thỏa thuận của bà Nh.*

Vậy trong thời gian này bà Nh khởi kiện tôi là không đúng với nguyên tắc của hui đồng thời ảnh hưởng đến việc kinh doanh của tôi, liên quan đến thi hành án một số vấn đề dân sự khác..”.

Đối với ông Nguyễn Thanh Tr: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Nh khởi kiện. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông vẫn vắng mặt 02 lần không có lý do và không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Hồ Hồng Nh vẫn bảo lưu quan điểm nêu trên. Bà Nh xác định, khi hót hui thì bà T đóng hui chết không đầy đủ, dây hui 10.000.000 chỉ đóng được 02 kỳ hui chết, còn nợ lại 21 kỳ hui; dây hui 3.000.000 đồng chỉ đóng được đến kỳ hui thứ 22, còn nợ lại 19 kỳ hui chết. Sau đó bà Nh và bà T có gặp nhau chốt nợ với số tiền 282.000.000 đồng (đến khi mãn hui) và có làm biên nhận (bà T giữ), bà T hứa trả dần góp hàng tháng 10.000.000 đồng nhưng bà T trả tiền không đúng theo thỏa thuận. Đến ngày 22/5/2019 âm lịch thì bà T và bà Nh tiếp tục đối chiếu nợ, tại thời điểm này số tiền bà T còn nợ là 250.000.000 đồng, có làm biên nhận (bà Nh nộp tại phiên tòa) và hứa mỗi tháng trả 3.000.000 đồng nhưng bà T tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, từ ngày thỏa thuận đến ngày 18/12/2019 bà T chỉ trả được 6.000.000 đồng nên bà Nh khởi kiện buộc bà T thanh toán số tiền hui là 244.000.000 đồng, từ khi bà Nh gửi đơn khởi kiện đến ngày Tòa án hòa giải (ngày 09/01/20120), bà T thanh toán được 8.000.000 đồng. Bà Nh rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Thanh Tr, chỉ yêu cầu bà T trả tiền hui gốc còn nợ là 236.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

- Bị đơn bà Võ Thị Hồng T thừa nhận có tham gia hui do bà Nh làm chủ, bà T hót hui chết và không đóng hui đầy đủ. Bà T cũng xác định kể từ ngày 15/8/2018 âm lịch thì mỗi tháng bà T phải đóng hui chết cho bà Nh là 13.000.000 đồng nhưng bà T không thực hiện. Giữa bà T và bà Nh có thỏa thuận chốt nợ như lời trình bày của bà Nh là đúng. Lần đối chiếu nợ gần đây là ngày 22/5/2019 âm lịch, số tiền bà T còn nợ là 250.000.000 đồng và có làm biên nhận do bà Nh quản lý (bà Nh nộp tại phiên tòa). Sau đó bà T có thanh toán cho bà Nh nhiều lần với tổng số tiền 14.000.000 đồng, còn nợ lại tiền hui tổng cộng là 236.000.000 đồng và đồng ý thanh toán khoản tiền này. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế hiện nay gặp khó khăn nên xin trả dần khoản nợ.

- Ông Nguyễn Thanh Tr vắng mặt nên không có ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử đình

chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nh về khởi kiện ông Tr; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh buộc bà T trả tiền hui còn nợ là 236.000.000 đồng. Bà T chịu án phí dân sự sơ thẩm 5%, bà Nh được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền hui còn nợ nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hui” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Thanh Tr có nơi cư trú tại khóm 7, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thanh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần (trên 03 lần) nhưng đều vắng mặt không lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Tr.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

Bà Hồ Hồng Nh yêu cầu bà Võ Thị Hồng T trả số tiền hui còn nợ là 236.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà T đều thừa nhận có tham gia hui do bà Nh làm chủ, bà T hót hui nhưng đóng hui chết không đầy đủ, hiện tại còn nợ bà Nh số tiền hui nêu trên. Đây là tình tiết đã được cả hai đương sự xác nhận và thống nhất nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên việc giao dịch hui là thực tế, có xảy ra.

Về trách nhiệm trả nợ:

Các đương sự đều xác định, khi hót hui thì bà T không đóng hui chết đầy đủ, sau đó bà Nh và bà T có gặp nhau chốt nợ (lần 1) với số tiền 282.000.000 đồng, bà T hứa trả dần hàng tháng với số tiền 10.000.000 đồng nhưng bà T trả tiền không đúng theo thỏa thuận. Đến ngày 22/5/2019 âm lịch giữa bà T và bà Nh đối chiếu nợ (lần 2), số tiền bà T còn nợ là 250.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả 3.000.000 đồng nhưng bà T tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ (các lần chốt nợ được lập thành văn bản và được các đương sự nộp tại phiên tòa). Ngày 18/12/2019 bà Nh khởi kiện thì bà T còn nợ số tiền 244.000.000 đồng, từ khi bà Nh nộp đơn khởi kiện đến ngày Tòa án hòa giải ngày 09/01/2020, bà T thanh toán được 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà Nh yêu cầu bà T thanh toán tiền hui gốc còn nợ là 236.000.000 đồng, sự việc tranh chấp được phía bị đơn thừa nhận và đồng ý thanh toán, đây là sự tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 của Bộ luật dân sự, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường; buộc bà Võ Thị Hồng T phải thanh toán cho bà Hồ Hồng Nh số tiền hui gốc là 236.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nh có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Do bà Nh không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền mà bà T chậm đóng hui chết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ý kiến của bà T xin trả dần khoản nợ do điều kiện kinh tế hiện nay gặp khó khăn. Xét thấy, sau khi bản án có hiệu lực thì việc thi hành án giữa người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành và cơ quan có thẩm quyền thi hành bản án là Chi cục thi hành án cùng cấp nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của bà T là có cơ sở.

Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Thanh Tr thanh toán số tiền nợ hui là 244.000.000 đồng. Nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ buộc bà T thanh toán số tiền nợ hui 236.000.000 đồng và rút một phần yêu cầu đối với ông Nguyễn Thanh Tr. Xét thấy, việc thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện nói trên là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nh và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của bà Nh về trách nhiệm thanh toán nợ của ông Tr. Bà Nh không phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Đối với ông Nguyễn Thanh Tr do bà Nh rút lại yêu cầu khởi kiện nên không xem xét trách nhiệm trả nợ của ông Tr là có cơ sở.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%:

Do yêu cầu của bà Nh được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nh không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà Nh được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 468, 471 Bộ luật dân sự; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ,

biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Buộc bà Võ Thị Hồng T có trách nhiệm thanh toán cho bà Hồ Hồng Nh số tiền hui gốc phải đóng đến nay là 206.000.000 đồng, số tiền phải đóng đến khi mãn hui là 30.000.000 đồng; tổng cộng là 236.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Nh có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà T chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì bà T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ tại thời điểm thi hành án.

[2]. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Hồng Nh về trách nhiệm trả nợ đối với ông Nguyễn Thanh Tr.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

- Bà Võ Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.800.000 đồng.

- Bà Hồ Hồng Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Nh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.100.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006993 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

[4]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền